

R

JUN 05 1985

INTAKE FORM
HÀU ĐƠN VỀ LÝ LỊCH
CHƠ HỒ GIỮ

145 số hồ tức

552

NAME (TÊN) : TRUONG THI TAO
Last (Tên Họ) Middle (Giữa) First (Tên gọi)

DATE, PLACE OF BIRTH : 07 15 1945
(NĂM, NƠI SINH ĐẸ) Month (Thang) Day (Ngày) Year (Năm)

SEX (NAM hay NỮ) : Male (Nam) : Female (Nữ) : ☒

MARITAL STATUS : Single (Độc thân) : Married (có lập gia đình) : ☒
(Tình trạng gia đình)

ADDRESS IN VIETNAM : 23C Khu 4 - phường 5 - Quận 10
(Địa chỉ tại VN) : Thành Phố Hồ Chí Minh Việt Nam

POLITICAL PRISONER (Có là tù binh tại VN hay không) : Yes (Có) No (Không) ☒
: If yes (Nếu Có) : From (Từ) : To (Đến) :

PLACE OF RE-EDUCATION :
CAMP (TRẠI TÙ) :

PROFESSION (Nghề Nghiệp) : TEACHER -

EDUCATION IN U.S. : ☒
(DU HỌC TẠI MỸ)

VN ARMY (Quân đội VN) : Rank (Cấp bậc) :

VN GOVERNMENT : Position (Chức Vụ) : canton supervisor Date (Năm) :
(Trong chính phủ VN)

APPLICATION FOR O.D.P. : Yes (Có) : ☒ IV Number (số hồ sơ) : No (Không)

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING : (Số người đi theo) : 4

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES (Tên thân nhân tháp tùng) Xin ghi ở trang 2

MAILING ADDRESS IN VN : 23C Khu 4 - phường 5 Quận 10
(Địa chỉ liên lạc tại VN) : Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

NAME ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE : TRUONG HIEN
(Tên, Địa chỉ Thân nhân hay Người Bảo Tró)

U.S. CITIZEN : (Có quốc tịch Hoa Kỳ) : No (Không) : ☒

RELATIONSHIP WITH PRISONER : (Liên hệ với người ở VN) : Brother -

NAME AND SIGNATURE : TRUONG HIEN
ADDRESS OF INFORMANT
(Tên, Địa chỉ, Chữ Ký, ĐT của người điền đơn này) : HYATTVILLE MD 20782

DATE : May 31, 1985 TRUONG HIEN :

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA): TRUONG THI TAO
(Listed on Page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO P.A.
DOAN QUE	10-04-1944	HUSBAND
DOAN THUY VU	13-11-1975	DAUGHTER-
DOAN MINH TRI	13-07-1982	SON

ADDITIONAL INFORMATION:

DOAN QUE was captain in VN ARMY.